Tình Nghĩa Thầy Trò Mỹ-Việt

Lâm Vĩnh-Thế

Tôi xuất thân là một nhà giáo, và, dĩ nhiên, trước khi trở thành một người thầy, tôi cũng đã từng là một người học trò như tất cả mọi người có đi học. Đối với tôi, chuyện tình nghĩa thầy trò là một trong những chuyện quan trọng trong cuộc đời của một con người. Tôi đã từng viết khá nhiều về tình nghĩa thầy trò Việt Nam trong những năm qua.[1, 2, 3] Bài viết này ghi lại kỷ niệm tình nghĩa thầy trò Mỹ-Việt mà trong đó tôi đóng vai học trò. Tình nghĩa này vô cùng sâu đậm mà trọn cuộc đời này tôi cũng sẽ không bao giờ có thể quên được.

Hai Năm Du Học Tại Hoa Kỳ

Năm 1970, tôi đang dạy học tại Trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức (THKMTĐ) thì chuyển sang làm công tác thư viện một cách tình cờ. Cho đến ngày hôm nay tôi vẫn nghĩ rằng đó là một ngã rẽ bất ngờ và may mắn trong đời tôi.[4] Một năm sau, tháng 8-1971, qua khế ước (contract) ký kết giữa USAID (United States Agency for International Development = Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế của Hoa Kỳ) và Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn (ĐHSPSG), tôi nhận được học bổng của USAID đi Mỹ, theo học ngành Thư Viện Học (Library Science) tại Trường Thư Viện Học của Viện Đại Học Syracuse (School of Library Science, Syracuse University) tại thành phố Syracuse, thuộc tiểu bang New York. Tháng 5-1973, tôi tốt nghiệp với bằng Cao Học về Thư Viện Học (Master of Library Science = M.L.S.) và lên đường về nước phục vụ trong ngành thư viện của Việt Nam Cộng Hòa. Chính trong thời gian hai năm này, tôi đã vô cùng may mắn nhận được sự đào tạo rất tận tình của vị Ân Sư người Mỹ là Giáo Sư Pauline Atherton Cochrane. Mối quan hệ thầy trò giữa tôi và GS Cochrane đã không chấm dứt sau khi tôi rời Trường Syracuse tháng 5-1973 mà còn tiếp diễn mãi cho đến ngày hôm nay, năm 2017, khi tôi đã 76 tuổi và bà Cochrane đã 88 tuổi.

Một vài điều về vị Ân Sư

Khi tôi học tại Trường Syracuse (1971-1973) thì GS Cochrane, lúc đó còn mang tên là Pauline A. Atherton (về sau khi lập gia đình với GS Cochrane cùng dạy tại Viện Đại Học Syracuse bà mới đổi tên thành Pauline Atherton Cochrane), đã là một Giáo Sư về Thư Viện và Thông Tin Học nổi tiếng của Hoa Kỳ rồi. Lúc đó bà đang là Chủ TỊch của Hội Thông Tin Học Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1970-1971 (President, ASIS = American Society for Information Science).

Hình Giáo Sư Pauline Atherton Cochrane chụp năm 2011

Lúc đó bà đã đạt đến cấp bậc Professor (trong hệ thống đại học ở Bắc Mỹ--Hoa Kỳ và Canada--cấp giáo sư gồm có ba bậc: Assistant Professor, Associate Professor, và Full Professor hay chỉ gọi tắt là Professor). Bà đã là một khuôn mặt lớn trong ngành, với rất nhiều công trình nghiên cứu nổi tiếng, và một sự nghiệp trước tác đồ sộ gồm rất nhiều sách (kể cả giáo khoa và nghiên cứu) và hàng trăm bài báo trong các tạp chí chuyên môn của Anh-Mỹ. Ngoài việc giảng dạy tại Hoa Kỳ, bà cũng đã từng là Giáo Sư Thỉnh Giảng (Visiting Professor) của nhiều đại học tại nhiều nước trên thế giới như Canada, Úc, Ấn Độ, và một số quốc gia Âu Châu như Anh Quốc, Thụy Điển. Do đó, không những nổi tiếng tại Hoa Kỳ, bà cũng được ngưỡng mộ tại rất nhiều nước trên thế giới, và vì thế bà cũng đã được bầu vào chức vụ Phó Chủ TỊch của Liên Hiệp Quốc Tế Các Hội Thư Viện (Vice-President, International Federation of Library Associations = IFLA)

Quan hệ thầy trò khi tôi đang học tại Trường Syracuse

Tôi có may mắn lớn là được bà nhận làm giáo sư hướng dẫn ngay từ khi bước chân vào trường (lúc đó trường còn mang tên là School of Library Science, đến năm 1974 thì mới đổi tên thành School of Information Studies mà trường vẫn còn giữ mãi cho đến ngày hôm nay; Trang Web của Trường tại địa chỉ Internet sau đây: https://ischool.syr.edu/). Bà có cho biết lý do là vì đã được Giáo sư Khoa Trưởng chỉ định bà đãm nhận việc đó và đã cho bà cho xem hồ sơ của tôi do USAID gởi về nói rõ là theo kế hoạch đã được thỏa thuận giữa USAID và Trường ĐHSPSG thì sau khi học xong về nước tôi sẽ có trách nhiệm thành lập Ban Thư Viện Học cho ĐHSPSG, và đó sẽ là Ban Thư Viện Học đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Chính vì thế, ngay từ đầu bà đã có kế hoạch nhằm đào tạo tôi không phải chỉ thành một quản thủ phụ trách quản trị thư viện mà hướng nhiều hơn về việc trở thành một giáo sư giảng dạy ngành thư viện học. Ngay từ học kỳ đầu tiên (Mùa Thu 1971 = Fall Semester 1971), bà đã hướng dẫn tôi ghi danh học một giáo trình về phương pháp nghiên cứu. Bà cũng hỏi tôi sau này thích giảng dạy về chuyên ngành nào trong thư viện học và tôi đã cho bà biết là tôi thích dạy về chuyên ngành biên mục (Cataloging). Do đó bà đã hướng

dẫn tôi học khá nhiều giáo trình về chuyên ngành này. Có thể nói là trong số các ứng viên mà USAID đã chọn và gửi đi học tại Hoa Kỳ về ngành thư viện, không có một người nào học nhiều về Cataloging như tôi cả. Trước sau, tôi đã học tất cả 3 giáo trình về chuyên ngành Biên Mục: 1) LSC 503: Organization of Information Resources; 2) LSC 624: Special Problems in Cataloging; và, 3) LSC 630: Advanced Topics in Organization of Information Resources. Trong 3 giáo trình này thì 2 giáo trình 503 và 630 do chính bà phụ trách giảng dạy. Cũng chính trong học kỳ mà tôi theo học giáo trình 630 đó, ***bà đã giúp tôi thực hiện được một điều chưa từng xảy ra tại trường Syracuse, mà có thể cũng rất hiếm xảy ra tại các viện đại học khác tại Hoa Kỳ.*** Đó là việc bà đã can thiệp và thành công để tôi được theo học một giáo trình chỉ dành cho sinh viên đang học tiến sĩ: đó là giáo trình LSC 998 Readings and Research in Library Science, là giáo trình cuối cùng trong học trình của bậc tiến sĩ với LSC 999 dành cho luận văn tiến sĩ (PhD dissertation). Trong lớp học cho LSC 998 chỉ có 5 sinh viên, tôi và 4 người nữa, 1 nữ và 3 nam. Tôi còn nhớ người nữ sinh viên đó là một cô gái người Ấn Độ, tên là Kalpana Dasgupta, về sau có một thời gian (1983-1995) là Thư Viện Trưởng của Thư Viện Quốc Gia Ấn Độ đặt tại thành phố Kolkata (thủ đô của tiểu bang West Bengal, ngày xưa mang tên là Calcutta). Trong suốt học kỳ, mỗi tuần, 5 người sinh viên chúng tôi thay phiên nhau mỗi người thuyết trình về một đề tài và sau đó tất cả mọi người người thảo luận dưới sự điều hợp của GS Atherton. Chúng tôi phải đọc rất nhiều sách do GS Atherton tuyển chọn tùy theo đề tài mà chúng tôi tự chọn với sự hướng dẫn của bà. Trong lớp dành cho giáo trình LSC 630 mà tôi theo học với bà, phương pháp giảng dạy của bà cũng đặt trên căn bản tự học và thảo luận. Mỗi tuần bà đưa ra một danh sách các chương sách và bài báo về một đề tài cho chúng tôi đọc trước, khi đến lớp thì bà nêu vấn đề để mọi người thảo luận, góp ý dựa trên những gì mình đã đọc trước trong tuần. Nhờ vậy, những gì chúng tôi thu nhận được từ lớp học là do chúng tôi tự tìm ra dưới sự hướng dẫn của bà. Cuối khóa cũng hoàn toàn không có kỳ thi final exam kiểu bình thường như các giáo sư dạy các giáo trình trước, mà theo lối dự án (project). Bà dưa ra một danh sách các chủ đề thuộc trong phạm vi học tập của giáo trình cho chúng tôi chọn. Sau khi chọn xong chủ đề rồi thì mỗi người tự đặt ra cho mình một bảng câu hỏi (tối thiểu là 20, và tối đa là 50) và viết ra câu trả lời cho từng câu hỏi với ghi chú đầy đủ về tài liệu đã sử dụng để trả lời câu hỏi đó. Do đó, thật sự mà nói, thực hiện xong dự án, chúng tôi hiểu biết và hoàn toàn nắm vững các vấn đề trong nội dung của giáo trình mà bà muốn truyền đạt cho chúng tôi. Với kiến thức về sư phạm mà tôi đã có được qua thời gian 3 năm học ở trường ĐHSPSG (1960-1963), và qua kinh nghiệm 8 năm dạy học (1963-1971), tôi thật sự nhận ra tính tối ưu của phương pháp giảng dạy của GS Atherton.

Trên bình diện cá nhân, GS Atherton thật sự là một người rất bình dị, cởi mở và hoàn toàn dễ gần gủi. Bà đối xử với tất cả các sinh viên với chân tình, luôn luôn chịu khó bỏ thì giờ gặp gở và lắng nghe ý kiến của chúng tôi, và tìm mọi cách chỉ dẫn, giúp đở chúng tôi trong các chuyện lo lắng và nhu cầu riêng tư của chúng tôi. Có thể nói bà là một mẫu người thầy lý tưởng: không những tìm cách hay nhứt để truyền đạt kiến thức cho môn sinh mà còn luôn luôn để tâm lo lắng và chăm sóc cho môn sinh của mình trong mọi việc. Tôi sẽ đề cập đến khía cạnh thứ hai này trong các phần sau của bài viết này. Do đó, bà luôn luôn mở rộng cửa nhà bà để đón tiếp các sinh viên xa nhà,

xa xứ, cần một chút hơi ấm tình gia đình trong các dịp cuối tuần hay ngày lễ. Tôi vẫn còn nhớ dịp Lễ Tạ Ỏn (Thanksgiving) năm 1972 tại nhà bà. Cùng với các bạn sinh viên ngoại quốc, tôi đã được bà đãi cho ăn các món ăn truyền thống của Hoa Kỳ: gà tây đúc lò ăn với cranberry sauce và, dĩ nhiên, cả món tráng miệng là pumpkin pie; ngoài 2 món truyền thống này bà cũng đãi luôn cả món mà chính bà rất thích là món Boston clam chowder. Và bà cũng không ngần ngại nhận lời mời của học trò đến nhà họ ăn cơm. Tôi cũng đã có một lần mời bà đến căn apartment nhỏ bé mà tôi và vài người bạn cùng thuê chung thường thức "tài nấu ăn" của bọn tôi qua món phở như tấm ảnh sau đây:

Từ trái qua: tác giả, GS Atherton, cô Kalpana Dasgupta, và anh Nguyễn Hữu Trí của Trường Võ Bị Đà Lạt

Giữa tháng 5-1973, sau lễ tốt nghiệp, tôi đang chuẩn bị hành lý lên đường về nước thì bà gọi tôi đến trường gặp bà tại phòng làm việc của bà. Tôi hoàn toàn ngạc nhiên khi biết được mục tiêu của cuộc gặp gở này: bà khuyên tôi đừng vội về nước lúc đó, hảy ở lại tiếp tục học lên bậc tiến sĩ, bà sẽ vận động để lấy học bổng cho tôi ở lại học và trong thời gian này thì tôi sẽ làm phụ tá giảng dạy cho bà, bà dạy lý thuyết và tôi sẽ lo phần thực hành của sinh viên cho giáo trình LSC 503. Lúc đó tôi mới thật sự hiểu rõ tại sao bà đã hết sức cố gắng vận động để cho tôi được nhà trường cho phép học giáo trình 998. Tôi cám ơn bà rất nhiều nhưng từ chối không nhận, viện lý do là giữa USAID và Chính phủ VNCH đã có thỏa thuận về việc áp dụng chính sách ứng viên chỉ được học một bằng cấp mà thôi (one-degree policy), học xong thì phải về nước, không có chuyện ở lại học luôn bằng cấp thứ nhì. Nghe tôi nói vậy thì bà cười và nói tiếp là chuyện đó để bà lo, tôi không cần phải lo. Tôi thấy từ chối theo hướng lý lẽ đó coi bộ không xong rồi nên chuyển hướng sang tình cảm, tôi nói mong bà thông cảm cho tôi xa nhà đã 2 năm rồi, rất nhớ vợ con, gia đình, vả lại cần về nước làm việc để lấy kinh

nghiệm rồi 2 năm sau sẽ trở qua học tiếp. Lần này coi bộ có kết quả tốt hơn vì bà có vẻ đăm chiêu, suy nghĩ, và sau cùng bà khuyên tôi trên đường về nước thì nên ghé Ấn Độ 6 tháng để tập sự tại Documentation Research and Training Centre tại thành phố Bengalore rất nổi tiếng do Tiến sĩ S.R. Ranganathan thiết lập. Sở dĩ bà Atherton đề nghị chuyện này là vì lý do như sau. TS Ranganathan là cha đẻ của ngành thư viện học hiện đại của Ấn Độ, người đã tạo ra Phương Pháp Phân Loại Hai Chấm (Colon Classification) rất nổi tiếng. Trong thời gian theo học giáo trình LSC 998 tôi đã nghiên cứu và thuyết trình tại lớp về đề tài này, và, trong năm 1972, tôi cũng chính là người đại diện cho sinh viên của Trường Thư Viện Học Syracuse đọc diễn văn nhân dịp Trường tổ chức Lễ Tưởng Niệm TS Ranganathan khi ông qua đời. Lúc đó tôi nghĩ trong bụng (chớ không dám nói ra) như sau: ở lại Mỹ để học tiến sĩ mình còn không chịu thì đi qua Ấn Độ 6 tháng làm chi. Thế là tôi lại tiếp tục năn nỉ xin bà đồng ý để cho tôi về nước vì nhớ vợ con quá rồi, sau này khi trở qua học xong tiến sĩ thì tôi sẽ xin nghe lời bà ghé lại đó 6 tháng. Tới đó thì GS Atherton biết là không thể nào thuyết phục tôi được nữa rồi nên bà đành chấp thuận để cho tôi về VN. Sau này, nghĩ lại tôi hoàn toàn ý thức là tôi đã đánh mất cơ hội để trở thành vị tiến sĩ đầu tiên của Việt Nam về ngành thư viện học nhưng tôi hoàn toàn không hối hận vì nhờ quyết định về nước tháng 5-1973, tôi đã có cơ hội phục vụ cho việc phát triển ngành thư viện cho VNCH trong 2 năm 1973-1975, [5] và, trên hết, tôi đã có cơ hội làm tròn nhiệm vụ của một đứa con lúc mẹ tôi qua đời vào tháng 7-1979 tại Việt Nam.

Quan hệ thầy trò sau khi về nước 1973-1981

Cuối tháng 5-1973 tôi về đến Sài Gòn và đối diện với một thực tế có hơi phũ phàng: Trường ĐHSPSG không chịu thi hành khế ước đã ký kết với USAID là thành lập Ban Thư Viện Học và vì vậy không có lý do gì để nhận tôi vào Ban Giảng Huấn của Trường. Tôi vẫn tiếp tục phục vụ tại Thư viện của Trường THKMTĐ.

Ngày 3-2-1974, tại Đại Hội Thường Niên của Hội Thư Viện Việt Nam (HTVVN), tôi được bầu vào chức vụ Chủ Tịch Ban Chấp Hành của Hội.[6] Với sự tài trợ mạnh mẽ của Cơ Quan Văn Hóa Á Châu (The Asia Foundation), và với nỗ lực lớn lao của Ban Chấp Hành, HTVVN đã thực hiện được một chương trình phát triển ngành thư viện rất thành công, tạo ra được tiếng vang tốt cho Hội, với kết quả cao nhứt là việc Viện Đại Học Vạn Hạnh chấp nhận thành lập Ban Thư Viện Học thuộc Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn và tuyển nhiệm tôi làm GS Trưởng Ban. Đây là Ban Thư Viện Học đào tạo cấp cử nhân đầu tiên của VNCH. Tất cả những thành quả này tôi đều thông báo đầy đủ cho GS Atherton. Bà rất mừng, và thông báo lại cho các giáo sư và sinh viên qua bản tin nội bộ của trường.

Đầu năm 1975, tai Đại Hội Thường Niên của HTVVN, tôi tái đắc cử chức vụ Chủ Tịch nhiệm kỳ 1975. Nhận được tin này, GS Atherton rất vui mừng và thông báo cho tôi một tin vui là bà đã vận động được một ngân khoản để cho tôi có thể đi dự hội nghị thường niên của IFLA sẽ tổ chức vào Hè 1975, và yêu cầu tôi chuẩn bị một bài thuyết trình về những phát triển mới về thư viện của VNCH và HTVVN. Chuyện vui này đã không bao giờ xảy ra vì biến cố 30-4-1975.

Sau biến cố bi thảm này, liên hệ của tôi và GS bị cắt đứt. Tôi chấp nhận số mạng của mình và nghĩ rằng tôi và GS Atherton sẽ chẳng bao giờ còn có dịp gặp lại nhau nữa. Về sau này, khi đã định cư tại Canada, tôi mới được biết về những cố gắng của bà trong việc dò tìm tin tức của tôi tại các cơ quan và trại tỵ nạn ở Hoa Kỳ trong thời gian 1975-1976. Sau cùng sợi dây liên lạc giữa hai thầy trò tôi được nối lại trong một hoàn cảnh vô cùng bất ngờ suýt làm tôi bị đứng tim luôn. Một buổi chiều tháng 5-1979, có thể sau 7 giờ tối vì tôi nhớ là trong nhà đã cơm nước xong, tôi nhận được môt bức điện tín. Người mang bức điện đến là người phát thư quen thuộc của gia đình tôi, từ mấy năm qua vẫn mang đến nhà tôi những thư từ, có khi là điện tín, từ Canada do Anh Tư tôi gởi về. Mỗi lần như vậy tôi đều gởi cho ông ấy một ít tiền để cám ơn, nhờ vậy liên hệ giữa tôi và ông ấy rất tốt, và vì vậy khi có điện tín thì bất kể thời gian, ông ấy luôn luôn mang đến nhà cho tôi liền. Lần này cũng như mọi lần, tôi cũng gởi cho ông ấy một ít tiền. Phản ứng đầu tiên của tôi là cũng nghĩ là điện tín từ Canada của Anh Tư tôi. Khi mở bức điện ra đọc thì lúc đầu tôi rất ngạc nhiên, vui mừng và vô cùng cảm động vì bức điện tín là do GS Atherton gửi, bên dưới có ký tên rõ ràng chữ Pauline, nội dung cho biết là GS Khoa Trưởng của Trường Thư Viện Học thuộc Viện Đại Học Syracuse sẽ can thiệp để mang tôi và gia đình ra khỏi Việt Nam. Sự vui mừng không kéo dài được bao lâu vì sau đó khi suy nghĩ thêm tôi cảm thấy rất lo sợ. Thời gian đó, Việt Nam và Mỹ vẫn còn là hai nước thù địch, hoàn toàn không có bang giao, và Việt Nam lại còn đang bị Mỹ cấm vận. Dính líu đến Mỹ rất dễ bị chụp mũ là ***"xịa"*** và ở tù như chơi. Đêm đó tôi suy nghĩ nhiều và sáng hôm sau tôi quyết định ra bưu điện Sài Gòn để gửi ngay cho GS Atherton một bức điện yêu cầu bà báo lại với Trường là không nên liên hệ trực tiếp với tôi và mọi việc nên liên hệ qua Anh Tư tôi ở Canada. Sau này, vào năm 1991, khi tôi gặp lại GS Atherton lần đầu, tôi đã kể lại chuyện này, nói rõ lý do và xin lỗi GS về cái bức điện của tôi, bà cười và nói ***"tao phải xin lỗi mày mới đúng, tao đâu có ngờ suýt nữa làm mày bị heart attack rồi,"*** và thầy trò tôi được một trận cười vui. Sau đó bà nói cho tôi biết, một thời gian sau khi nhận được bức điện tín của tôi, bà đã liên hệ được với Anh Tư tôi và được Anh Tư tôi cho biết đang tiến hành làm thủ tục bảo lãnh cho gia đính tôi sang Canada. Bà yên tâm và báo ngay cho GS Khoa Trưởng Trường Thư Viện Syracuse là tôi đã có phương tiện để ra khỏi Việt Nam rồi. Sau đó bà tiếp tục giữ liên hệ thường xuyên với Anh Tư tôi nên chính Anh Tư tôi đã báo cho bà biết tin vui là tôi đã đến Canada rồi.

Quan hệ thầy trò tái lập sau tháng 9-1981

Gia đình tôi đến Montréal, Canada vào ngày 23-9-1981. Sau một thời gian ngắn, vì chưa tìm được việc làm chuyên môn, tôi tạm thời làm công việc lao động trong một kho hàng ở Montréal, làm ca tối, từ 4 giờ chiều đến 12 giờ đêm, với thù lao là 4 đô la 25 xu một giờ. Một buổi sáng, tôi nhận được điện thoại và mừng vô cùng vì người gọi chính là GS Atherton từ Mỹ gọi qua. Sau khi bày tỏ sự vui mừng về việc tôi đã đến được Canada và hỏi thăm sức khỏe và gia cảnh của tôi, bà bảo tôi: ***"Thế ơi, kiến thức của mày đã bị lỗi thời rồi, mày cần phải đi học lại để nắm được quy tắc biên mục mới và việc áp dụng computer trong ngành biên mục, nếu không mày không làm việc được đâu."*** Tôi trả lời GS, cho biết tôi muốn đi học lắm nhưng hiện nay chưa có phương tiện, mức lương kiếm được chỉ đủ để nuôi gia đình thôi. Bà nói ngay: ***"Mày đừng lo vụ đó. Sáng mai mày cứ đến Trường Thư Viện của Đại Học McGill, vào***

gặp ông Khoa Trưởng, ông ấy sẽ sắp xếp cho mày." Sáng hôm sau, theo đúng lời dặn của bà, tôi đến văn phòng GS Khoa Trưởng Trường Thư Viện McGill, gặp cô thư ký, nói tên tôi và xin gặp ông Khoa Trưởng. Cô thư ký nói ngay là ông Khoa Trưởng đang chờ tôi và mời tôi vào gặp ngay. Sau đó ông Khoa Trưởng cho biết đã dàn xếp xong cho tôi học một giáo trình về Biên Mục Sử Dụng Máy Điện Toán (Computerized Cataloging) với Giáo Sư John Leidi, mỗi tuần 3 giờ, học trong hai ngày, Thứ Hai và Thứ Tư, mỗi ngày từ 1:00 giờ đến 2:30 giờ trưa. Nếu không phải là do chính GS Atherton đích thân giới thiệu (và đóng học phí luôn cho tôi) và được GS Khoa Trưởng chấp thuận, thì không thể nào có chuyện vào học ngang xương như vậy được, vì học kỳ Mùa Thu đó (Fall Semester 1981) đã bắt đầu gần một tháng rồi.

Được việc làm chuyên môn đầu tiên

Trong thời gian mấy tháng trời theo học ở McGill tôi đã gởi gần 80 đơn xin việc tại các thư viện trong tình bang Québec của Canada và chỉ được gọi đi phỏng vấn có một lần tại thư viện công cộng của thành phố Hull, nhưng không được nhận. Giữa tháng 3-1982, tôi thấy dán trên bảng thông báo về việc làm của Trường McGill một mãnh giấy rất nhỏ cắt ra từ một tờ báo nào đó, về một công việc làm hợp đồng (contract job) tại thành phố Ottawa (thủ đô của Canada). Tôi liền gởi đơn, và độ một tuần sau thì tôi được gọi lên Ottawa phỏng vấn và tôi được nhận. Với công việc làm này, tôi được trả lương 21.000 đô la / năm. Tôi sẽ là Trưởng Toán (Team Leader) cho một Toán gồm có 3 người: tôi là Team Leader, 1 cô Junior Librarian (mới tốt nghiệp MLS), và 1 cô Library Technician (tốt nghiệp đại học cộng đồng 2 năm). Công việc của Toán là chuyển đổi các thẻ thư mục (catalog card) của các tạp chí thành các thẻ điện tử (trong nghề gọi cái dự án này là một serials conversion project), sử dụng một hệ thống tự động hóa dành cho thư viện mang tên là UTLAS (University of Toronto Library Automation System). Nếu không theo học giáo trình do GS John Leidi phụ trách tại Đại Học McGill ở Montréal thì tôi không thể nào đảm nhận nổi công việc này. Lúc ngồi trên xe buýt trở về Montréal, tôi cầm tờ tuần báo Time để đọc cho qua thì giờ, nhưng thú thật tôi không hiểu gì hết về bài báo, vì lúc đó, hồn vía tôi bay bổng, đầu óc tôi không tập trung được vì tôi mừng quá. Về sau này, tôi còn nhận được nhiều công việc làm khác và với lương cao hơn gấp mấy lần số lương 21.000/ năm đó nhưng tôi không có mừng như cái lần này. Các bạn thử tưởng tượng coi tôi đang làm công việc lao động chân tay với lương 4,25 đô /giờ, nếu tính ra thì lương năm sẽ là khoảng 8.500 đô / năm (4,25 x 2000 giờ 1 năm = 8.500), đùng một cái lương tăng lên hơn gấp đôi, bảo tôi không "mừng hết lớn" sao được. Mừng hơn nữa là với công việc này từ đây tôi sẽ có thể trở về nghề nghiệp chuyên môn của mình, không còn phải lao động chân tay nặng nhọc và cực khổ nữa. Và thật đúng như vậy, sau công việc làm hợp đồng này, chỉ kéo dài đúng 1 năm, từ ngày 1-4-1982 đến hết ngày 31-3-1983, tôi tiếp tục làm nhiều công việc hợp đồng khác tại Ottawa, cho đến khi tôi được nhận làm Biên Mục Viên (Cataloger), một công việc làm thường trực (permanent job) đầu tiên vào tháng 8-1984, với Cơ Quan An Toàn Lao Động của Canada (Canadian Centre for Occupational Health and Safety (CCOHS) = Centre canadien d'hygiène et de sécurité au travail (CCHST)) của Chính phủ liên bang Canada tại thành phố Hamilton, thuộc tỉnh bang Ontario. Như vậy, rõ ràng là công việc làm hợp đồng đầu tiên tại Ottawa kể trên chính là chìa khóa giúp tôi mở được cánh cửa để bước vào thế giới của những người làm công tác

chuyên môn tại Canada. Công việc làm hợp đồng đầu tiên đó, sở dĩ tôi có được, như sẽ được trình bày chi tiết rõ ràng bên dưới đây, một phần rất lớn là nhờ sự giúp đở của GS Atherton.

Trước hết, nếu không có sự tận tình giúp đở về mọi mặt (ngay cả đóng học phí cho tôi luôn) của GS Atherton, tôi đã không thể có cơ hội đi học giáo trình rất cần thiết đó tại Trường Thư Viện của Đại Học McGill. Nếu tôi không học được giáo trình này tôi sẽ không thể nào làm được công tác chuyên môn mà cái công việc hợp đồng này đòi hỏi. Hơn nữa, nếu tôi không có mặt ở McGill hôm đó tôi sẽ không bao giờ biết về công việc hợp đồng này. Ngoài ra, nếu không có cái thư giới thiệu (letter of reference) hết sức đặc biệt của GS Atherton, ảnh hưởng rất mạnh lên quyết định của người đã phỏng vấn tôi, thì cũng không chắc gì tôi đã được nhận, vì lúc đó ***tôi hoàn toàn chưa có một kinh nghiệm nào về công việc chuyên môn này tại Canada cả.*** Đây là mấy câu có tác dụng rất mạnh trong nội dung của cái Letter of Reference mà GS Atherton đã viết: ***"… He was, without doubt, one of the top ten or twenty students I have had in twenty-five years of teaching… There is no doubt in my mind that Lam Vinh The could hold any professional library position for which he applied. With a little in-service training and reading he should be able to bring himself up to speed. I have every confidence of that."*** (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: *"Không nghi ngờ gì cả, anh ấy đã từng là một trong mười hay hai mươi sinh viên giỏi nhứt trong hai mươi lăm năm dạy học của tôi… Không có một chút nghi ngờ nào trong suy nghĩ của tôi là Lâm Vĩnh Thế có thể đãm nhận bất cứ công việc chuyên môn nào về thư viện mà anh ấy nộp đơn. Chỉ cần một ít huấn luyện tại chổ và đọc thêm tài liệu thì anh ấy sẽ nhanh chóng nắm được công tác. Tôi hoàn toàn tin tưởng như vậy."* (Xin đọc toàn văn bức thư trong Phụ Đính B). Chắc chắn bất cứ người nào phụ trách công tác tuyển lựa nhân viên mà đọc các câu này cũng đều sẽ bị ấn tượng về người xin việc. Trong trường hợp này của tôi thì tôi lại được thêm một điều may mắn nữa: đó là bà Joyce McKintosh, Phó Giám Đốc Thư Viện Trung Ương của Bộ Canh Nông của Chính phủ liên bang Canada tại thủ đô Ottawa, người đứng ra phỏng vấn tôi, lại là một người rất ngưỡng mộ GS Atherton, nên khi đọc những dòng chữ trên bà đã bị ấn tượng rất mạnh về tôi, và vì vậy bà đã bỏ qua, không xét đến cái chuyện tôi chưa có kinh nghiệm làm việc tại Canada, và đã dễ dàng nhận tôi.

Nhận được sách của Ân Sư

Năm 1985 có một vài sự kiện đáng ghi nhớ trong đời tôi. Đó là năm gia đình tôi thi đậu kỳ thi nhập quốc tịch và trở thành công dân Canada; đó cũng là năm mà tôi, qua một cuộc dự tuyển, trở thành Manager phụ trách Ban Biên Mục (gồm tất cả 11 nhân viên) của cơ quan CCOHS, và sau đó được mời làm Giảng viên (bán thời gian) của Chương Trình Đào Tạo Nhân Viên Trung Cấp về Thư Viện của Trường Đại Học Cộng Đồng Mohawk (Library Technician Program, Mohawk College) tại thành phố Hamilton, tỉnh bang Ontario. Tôi nhanh chóng thông báo cho GA Atherton những tin vui này, bà rất mừng cho tôi và bà đã gởi biếu tôi một quyển sách mới xuất bản của bà với lời đề tặng như sau:

For one of my very best students,

Lam Vinh The.

May you succeed in your

adopted county and

in your

chosen profession

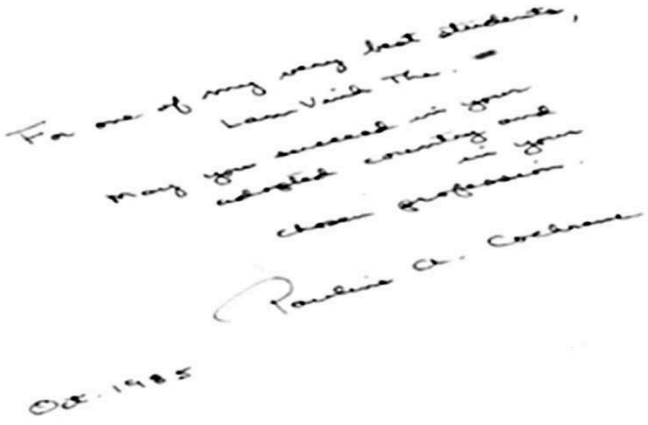

Lời đề tặng của GS Atherton

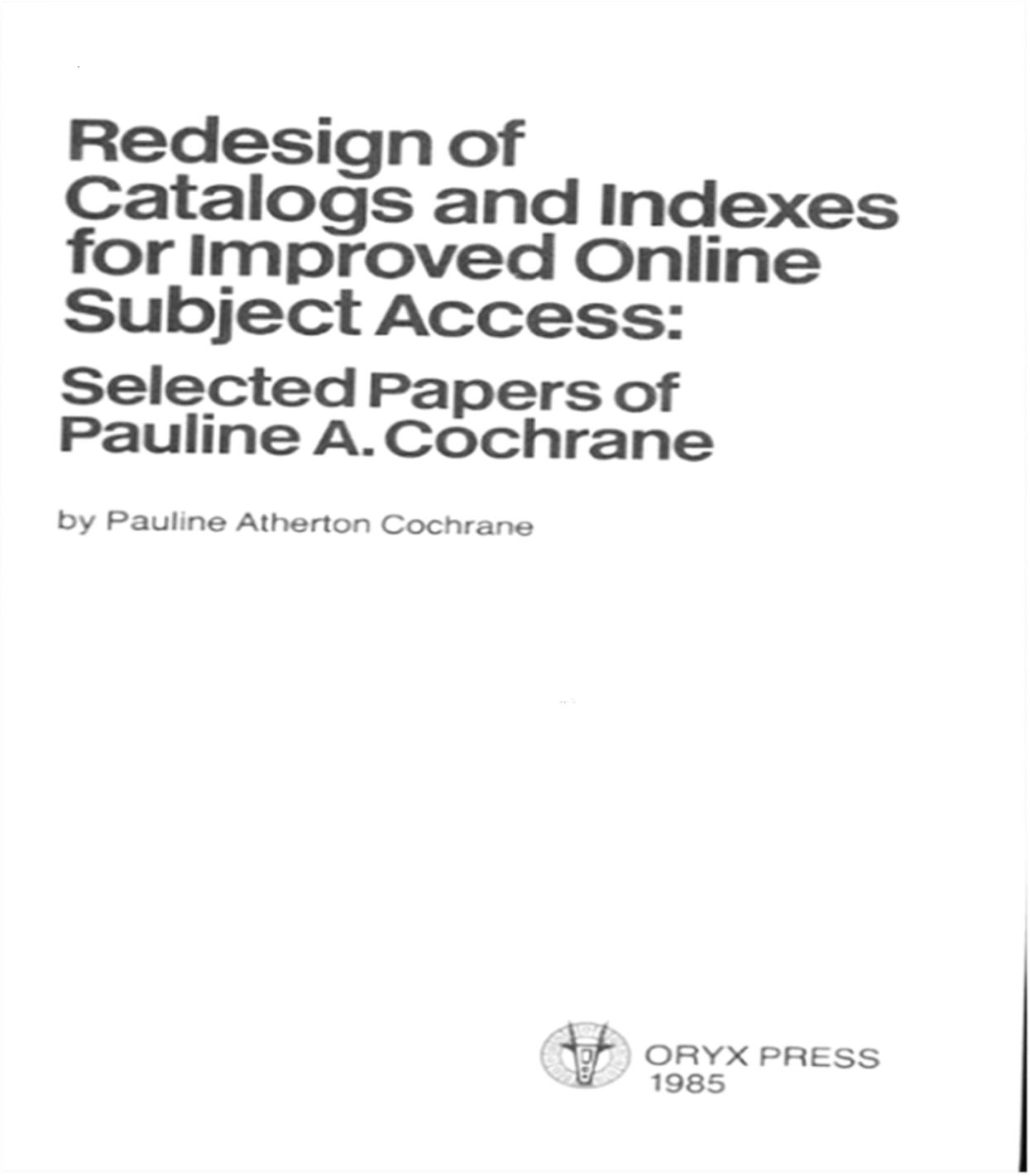

Hình trang nhan đề của quyển sách đề tặng

Quyển sách, do nhà Oryx Press xuất bản năm 1985, tập hợp một số bài viết chọn lọc của GS Atherton từ năm 1961 cho đến năm 1984, ghi lại những đóng góp lớn lao của GS vào sự phát triển của ngành thông tin – thư viện tại Bắc Mỹ. Rõ ràng, bà

muốn tôi ôn lại những điều tôi đã học hỏi được để chuẩn bị đi vào những bước phát triển mới của ngành thông tin - thư viện. Tôi đã hết sức cố gắng học hỏi, trau đồi thêm kiến thức chuyên môn để không phụ lòng bà.

Thầy trò gặp lại nhau sau gần 20 năm

Mặc dù đã liên lạc lại với nhau từ cuối năm 1981, lúc tôi mới sang Canada, tôi chỉ thật sự gặp lại GS Atherton vào năm 1991. Lý do duy nhứt là vì trong suốt thời gian 10 năm đó (1981-1991), bà không có mặt ở Hoa Kỳ nhiều, vì, lúc đó bà đã nghĩ hưu ở Đại Học Syracuse và cùng với phu quân của bà, GS Cochrane, sống và làm việc tại nhiều nước ở Châu Á và Châu Đại Dương, nơi GS Cochrane đang phục vụ với tư cách là một cố vấn của USAID. Mãi đến năm 1991, sau khi đã chia tay với GS Cochrane, bà quyết định trở về sống tại Mỹ. Bà mua một biệt thự rất lớn gần bờ biển ở tiểu bang Maryland và tôi mới có dịp sang Mỹ gặp lại bà. Cuộc gặp gở này giữa hai thầy trò chúng tôi, thật ra, đâu phải chỉ là sau 10 năm, mà đúng ra là đến 18 năm vì lần cuối cùng tôi gặp bà chính ra là vào tháng 5-1973 khi tôi vừa học xong và sắp sửa về nước. Cả hai thầy trò đều xúc động, và có quá nhiều chuyện để kể cho nhau nghe, nhưng rồi, qua câu chuyện xoay quanh bức điện tín mà bà gởi cho tôi vào năm 1979, thầy trò chúng tôi đã được một trận cười thật vui. Nhân dịp nầy, tôi có mang sang biếu bà một tấm tranh lụa rất đẹp của họa sĩ Tam Nhiều, một người bạn thân cùng dạy học chung với tôi ở Trường Trung Học Công Lập Kiến Hòa (1963-1966), vẽ cảnh mấy cô gái Việt Nam đang ngồi trên thuyền hái hoa sen. Bà rất thích tấm tranh đó và sau này bà đã đổi nhà mấy lần, nhưng bao giờ cũng mang tấm tranh này theo và treo ngay tên đầu giường ngủ của bà.

Những kỷ niệm trong năm GS Atherton đuọc 70 tuổi

Trong thời gian 1984-1992, tôi liên tiếp giữ các chức vụ chỉ huy tại CCOHS như sau:

- Manager, Department of Online Catalogue, 1985-1986
- Manager, Department of Database Development, 1986-1990
- Manager, Department of Database and Information Resource Development, 1990-1992

Cuối năm 1992, tôi rời CCOHS, nhận công việc mới, làm Thư Viện Trưởng cho cơ quan an toàn lao động của tỉnh bang Ontario tại Toronto gọi là Workplace Health and Safety Agency (WHSA) cho đến tháng 9-1997 khi tôi được Thư Viện của Trường Đại Học Saskatchewan bổ nhiệm vào chức vụ Trưởng Ban Biên Mục (Head, Cataloging Department, gồm tất cả 22 nhân viên, 4 người Librarian với bằng M.L.S. như tôi, và 18 Library Technicians có bằng tốt nghiệp đại học cộng đồng hai năm, trong số này có vài người có bằng Bachelor, và 1 người có bằng Master). Tất cả những bước phát triển trong công việc làm này cũng như những hoạt động về chuyên môn trong Hội Thư Viện Canada và những công trình biên khảo đã được các tạp chí chuyên môn chấp thuân để đăng đều được tôi thông báo cho GS Atherton. Bà rất mừng cho tôi.

Năm 1999, bà được đúng 70 tuổi, hội Thông Tin Hoa Kỳ (ASIS) quyết định vinh danh bà. Ngoài quyết định cấp cho bà thẻ hội viên vàng (Gold Membership Card) miễn đóng niên liễm trọn đời, ASIS còn dành cho bà một vinh dự lớn là để cho bà được toàn quyền sử dụng trọn một buổi (4 giờ) trong chương trình của đại hội. Bà quyết định dùng trọn buổi đó cho một Session mà bà đặt tên là ***"Knowledge Organization and Use Viewed by Caregivers (Aka Librarians)."*** Bà chỉ đóng vai trò điều hợp (co-ordinator) và những thuyết trình viên sẽ là 4 môn sinh đại diện cho 4 thế hệ học trò trong cuộc đời dạy học của bà: 1) Người đại diện cho thế hệ thứ nhứt là tôi, Vinh-The Lam, Head, Cataloging Department, University of Saskatchewan; 2) Người đại diện cho thế hệ thứ nhì là : Tiến sỉ William J. Wheeler, Librarian, Yale University; 3) Người đại diện cho thế hệ thứ ba là: Cô Sandra K. Roe, Librarian, South Dakota University; và 4) Người đại diện cho thế hệ thứ tư là: Cô Vivian Bliss, Librarian, Microsoft.

Hình buổi thuyết trình tại Đại Hội Thường Niên 1999 của ASIS – Từ phải qua: GS Atherton, TS William J. Wheeler, Cô Sandra K. Roe, Vinh-The Lam, và Cô Vivian Bliss

Bài thuyết trình của tôi mang nhan đề là: ***"Organizational and Technical Issues in Providing Access to Electronic Journals,"*** về sau đã được tạp chí ***The Serials Librarian****,* ISSN 0361-526X, của nhà xuất bản Haworth Information Press in lại trong Volume 39, Number 3 (2001), tại các trang 25-35:

Organizational and Technical Issues in Providing Access to Electronic Journals

Vinh-The Lam

ABSTRACT. Remote access electronic journals are now a major part of academic library resources. This paper discusses some of the most important organizational and technical issues in providing access to these journals. Licensing is presented as the most complex organizational issue, requiring special skills in negotiation for and implementation of license agreements with vendors. In terms of technical issues, cataloging and system-related problems are identified and discussed. Discussions of the efforts in harmonizing ISBD(ER) and AACR2R as well as the use of single vs. separate records for electronic journals and their print counterparts are presented. Finally, various approaches to authentication and access management for networked electronic journals are compared. *[Article copies available for a fee from The Haworth Document Delivery Service: 1-800-342-9678. E-mail address: <getinfo@haworthpressinc.com> Website: <http://www.HaworthPress.com> © 2001 by The Haworth Press, Inc. All rights reserved.]*

KEYWORDS. Electronic journals, acquisitions, licensing, cataloging, access management

INTRODUCTION

Remote access electronic journals (referred to hereinafter as e-journals) have recently added a new dimension to academic library services. They

---

Vinh-The Lam, MLS, is currently Head, Cataloguing Department, University of Saskatchewan Libraries, Room 36, Main Library/Murray Building, 3 Campus Drive, Saskatoon, SK S7N 5A4 (E-mail: lam@sklib.usask.ca).

This paper is based on the author's presentation at the ASIS Annual Conference, Washington, D.C., October 31-November 4, 1999, as part of the Session on "Knowledge Organization and Use as Viewed by Caregivers (Aka Librarians)."

The Serials Librarian, Vol. 39(3) 2001
© 2001 by The Haworth Press, Inc. All rights reserved.

Hình trang đầu của vài báo trong tạp chí *The Serials Librarian*

Cũng trong thời gian Đại Hội Thường Niên 1999 của ASIS này, các môn sinh chúng tôi, cùng với các đồng nghiệp và thân hữu của GS Atherton, cũng thảo luận và đồng thuận là sẽ thực hiện một quyển sách để kỷ niệm Sinh Nhựt thứ 70 của bà. Mọi người đồng ý giao công việc biên tập cho một môn sinh của bà là Tiến sĩ Wiiliam J. Wheeler. Quyển sách được xuất bản vào năm 2000:

Trang nhan đề của quyển sách kỷ niệm

Tôi được Tiến sĩ Wheeler mời viết một bài cho quyển sách đặc biệt này, đăng ở các trang 162-172, với nhan đề như sau: ***Enhancing subject access to monographs***

in online public access catalogs: adding table of contents to bibliographic records. Bài viết này của tôi điểm lại một công trình nghiên cứu rất quan trọng của GS Atherton về vấn đề ***truy cập thông tin theo chủ đề*** và những bước phát triển thêm của những người đi sau bà và kết thúc với một nghiên cứu nhỏ bổ túc của chính tôi tại Thư Viện của Trường Đại Học Saskatchewan.

Enhancing Subject Access to Monographs in Online Public Access Catalogs: Table of Contents Added to Bibliographic Records

✦ Vinh-The Lam ✦

Abstract

Subject access to monographs through online public access catalogs (OPACs) has always been a major concern for large research and/or academic libraries. Academic library practice of providing subject access to monographs has proven inadequate, especially in the case of composite works. Many techniques have been proposed to enhance subject treatment of monographs in OPACs. This article briefly reviews these efforts in the past and presents the case of adding Tables of Contents as one of the most useful and probably also one of the most cost-effective ways of improving subject access to monographs in an academic environment.

Introduction

Several decades ago, Ranganathan affirmed as the First Rule of Library Science that "Books Are For Use." In order to help users make good use of books, the library catalog should be able to provide a good representation of the books' contents. This goal for the catalog has always been elusive. The library world has struggled to make it a reality. With the first-generation online public access catalog (OPAC) in the late 1970s replacing the traditional card catalog, librarians had great hopes for improved access in general and improved subject access in particular. But before long the library community realized that the OPAC was, in this area of

Hình trang đầu của bài viết

Viếng thăm Ân Sư Atherton sau khi nghĩ hưu

Ngày 1-7-2006, tôi chính thức nghĩ hưu và dọn nhà trở về thành phố Hamilton, Ontario. Sau khi sắp xếp ổn định xong mọi việc, đầu tháng 9, tôi và bà xã tôi quyết định làm một chuyến du hành sang thành phố Urbana, thuộc tiểu bang Illinois, Hoa Kỳ, để thăm viếng Ân Sư Atherton, lúc đó đang giảng dạy tại Trường Đại Học Illinois tại Urbana-Champaign (University of Illinois at Urbana-Champaign – UIUC). Tôi gọi điện thoại để báo cho bà hay về ý định của vợ chồng tôi thì bà mừng và vui lắm. Nhân dịp này, bà đề nghị tôi đến thăm lớp học bà đang dạy (về Database Creation and Development = Thực hiện và phát triển cơ sở dữ liệu) và nói chuyện cho sinh viên của bà nghe về cái công trình mà tôi đã thực hiện cho Thư Viện của Trường Đại Học Saskatchewan mấy năm trước đó: Cơ sở dữ liệu trên Web về các tài liệu đã giải mật của CIA về Chiến Tranh Việt Nam.[7] Bà viện dẫn lý do như sau: bà đã dạy cho sinh viên theo học giáo trình này phần lý thuyết về cách làm cơ sở dữ liệu, tôi sẽ là người giúp cho họ thấy trên thực tế việc thực hiện một sơ sở dữ liệu phải qua những giai đoạn chuẩn bị như thế nào, có thể gặp những khó khăn gì, và cách giải quyết ra sao. Nghe bà nói rõ lý do của lời mời này, đột nhiên, kỷ niệm 43 năm về trước chợt hiện về, tôi nhớ lại lần nói chuyện trong văn phòng của bà ở Trường Đại Học Syracuse tháng 5-1973, nhớ lại lời bà khuyên tôi khoan về nước vội, ở lại học tiến sĩ với bà và làm phụ giảng cho bà về phần thực hành cho giáo trình LSC 503. Tôi cảm động vô cùng, bây giờ là năm 2006, gần nữa thế kỷ đã trôi qua, bà vẫn còn giữ y nguyên lòng tin của bà về người học trò cũ của bà của năm 1973. Và đồng thời tôi cũng đã nhận ra đây là cơ hội cuối cùng rồi, cuối đời rồi, tôi không thể phụ lòng Ân Sư một lần nữa được. Tôi đã nhận lời đề nghị của bà và, trong dịp viếng thăm bà tại Urbana, tháng 9-2006, tôi đã đến thăm lớp học của bà và nói chuyện với sinh viên của bà (những sư muội và sư đệ của tôi) với đề tài: ***"A Web-based Database of CIA Declassified Documents on Vietnam War" (Một cơ sở dữ liệu trên Web về các tài liệu của đã giải mật của CIA về Chiến Tranh Việt Nam).***

Hình tác giả nói chuyện với sinh viên Đại Học UIUC về *"A Web-based Database of CIA Declassified Documents on Vietnam War"*

Thay Lời Kết

Người xưa có nói: ***"Một ngày là Thầy, trọn đời là Thầy."*** Bây giờ, ở cái tuổi gần 80 này, tôi vô cùng tâm đắc với câu nói của người xưa. Đối với tôi, Ân Sư của tôi, Professor Emeritus Pauline Atherton Cochrane, vĩnh viễn là một người Thầy mà tôi không phải chỉ kính yêu mà còn là một người đã ban cho tôi một ân huệ quá lớn là luôn luôn hướng dẫn, nâng đỡ tôi trong mọi hoàn cảnh, lúc còn học tập cũng như khi đã vào nghề, và trên hết, luôn luôn tạo cho tôi một niềm tin thật vững chắc vào chính con người của tôi, vào khả năng của tôi, và giúp tôi vượt qua được nhiều hoàn cảnh khó khăn trong cuộc đời nhiều thăng trầm của tôi.

Ghi Chú:

1. Vĩnh Nhơn. ***Các Thầy Cô của tôi ở Petrus Ký***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: https://tuyen-tap-vinh-nhon-lam-vinh-the.blogspot.ca/2016/06/cac-thayco-cua-toi-o-petrus-ky-vinh.html
2. Lâm Vĩnh Thế. ***Cuộc hành trình 60 năm***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: https://tuyen-tap-vinh-nhon-lam-vinh-the.blogspot.ca/2016/07/cuoc-hanh-trinh-60-nam-ang-trong-trang.html
3. Lâm Vĩnh Thế. ***Tình nghĩa Kiểu Mẫu Thủ Đức***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: https://tuyen-tap-vinh-nhon-lam-vinh-the.blogspot.ca/2016/07/tinh-nghiakieu-mau-thu-uc-lam-vinh the.html
4. Lâm Vĩnh Thế. ***Một ngã rẽ bất ngờ và may mắn***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: https://tuyen-tap-vinh-nhon-lam-vinh-the.blogspot.ca/2016/07/mot-ngare-bat-ngo-va-may-man-lam-vinh-a.html
5. Lâm Vĩnh Thế. ***Phát triển thư viện tại Miền Nam trước 1975****, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: https://tuyen-tap-vinh-nhon-lam-vinh-the.blogspot.ca/2016/06/phat-trien-thu-vien-tai-mien-nam-truoc.html*
6. Hội Thư Viện Việt Nam. ***Bản tin***, số 1 (Tháng 3/1974), tr. 4
7. Vinh-The Lam, and Darryl Friesen. *"A Web-based Database of CIA Declassified Documents on the Vietnam War,"* đã đăng trong tạp chí ***Online***, v. 28, no. 4 (2004), tr. 31-35. Công trình này là một trong 2 dự án nghiên cứu được thực hiện trong thời gian tác giả được Trường Đại Học Saskatchewan cho nghĩ phép một năm (từ 1-7-2003 đến 30-6-2004) để đi làm nghiên cứu (Sabbatical Leave), và sau đó đã được trình bày tại một hội nghị tổ chức tại Vietnam Center thuộc Trường Đại Học Texas Tech University, Lubbock, Texas, vào ngày 19-3-2005 (the 5th Triennial Symposium on the Vietnam War, Vietnam Center, Texas Tech University, Lubbock, Texas, U.S.A., March 19, 2005). Tác giả là người thiết kế, lựa chọn tài liệu và thực hiện cơ sở dữ liệu; anh Darryl Friesen là Programmer Analyst đã phụ trách phần kỹ thuật trong việc đưa cơ sở dữ liệu này lên trang Web của Trường Đại Học Saskatchewan. Hiện nay cơ sở dữ liệu này vẫn còn có thể truy dụng tại địa chỉ Internet sau đây: https://libguides.usask.ca/az.php?q=Web-based%20database%20of%20CIA%20declassified%20documents%20on%20Vietnam%20War

Phụ Đính A

Phiếu Điểm Do Registrar của Đại Học Syracuse Cấp

NAME THE, LAM VINH
DATE OF BIRTH 7/22/41 SSN 054-50-6708
RESIDENCE 105 RONEY LANE
SYRACUSE, NEW YORK 13210
PREPARED AT

DATE ENTERED 9/71
DATE GRADUATED MAY 12, 1973
DEGREE M.S.

COLLEGE GRADUATE
MAJOR LIBRARY SCIENCE

DESCRIPTIVE TITLE	DEPT.	COURSE NUMBER	CREDIT HOURS	GR.	GRADE POINTS	INC
054-50-6708 TRM 1 71-72 08-GRAD SCHOOL						
REV/ENG/SEC/LANG	ENG	207	3	A	12	
INTRO PROB & RES	LSC	451	3	B	9	
MGMT PRIN FOR LIB	LSC	506	3	A	12	
054-50-6708 TRM 2 71-72 08-GRAD SCHOOL						
INTRO/INFORMA/TECH	LSC	452	3	B	9	
BIBLIO CONT LIB	LSC	502	3	A	12	
ORG INF RESOURCES	LSC	503	3	A	12	
REF SER SCH MED CN	LSC	611	3	B	9	
054-50-6708 TRM 4 71-72 08-GRAD SCHOOL						
SOC SCI RES INF SY	LSC	605	3	A	12	

THE,LAM,VINH
054-50-6708
TERM FALL COL. GRAD SCHOOL YEAR 1972

DESCRIPTIVE TITLE	DEPT.	COURSE NUMBER	CREDIT HOURS	GR.	GRADE POINTS	INC
HIS OF BOOKS & LIB	LSC	651	03	A	12	
READ RES LIBRARY	LSC	998	03	A	12	
ADV TOP ORG INF RE	LSC	630	03	A	12	

THE,LAM,VINH
054-50-6708
TERM 2 SPRING 08 GRAD SCHOOL YEAR 1973

DESCRIPTIVE TITLE	DEPT.	COURSE NUMBER	CREDIT HOURS	GR.	GRADE POINTS	INC
SPEC PROB CATALOG	LSC	624	03	A	12	
SCIENTIFIC&TECH IN	LSC	608	03	A	12	

NOV 25 1973

Alfred H. Cope
MGR. STUDENT DATA SYSTEMS
AND REGISTRAR

OFFICIAL
ISSUED TO STUDENT

REMARKS

The signature of the Registrar and the impression of the seal signify honorable dismissal.
Without the signature and seal this document is a statement of the student's record to date and is not an official transcript.

Registrar

Phụ Đính B

Bức Thư Giới Thiệu (Letter of Reference) của GS Atherton

SYRACUSE UNIVERSITY
SCHOOL OF INFORMATION STUDIES
113 EUCLID AVENUE | SYRACUSE, NEW YORK 13210
315/423-2911

LAM VINH-THE

GENERAL LETTER OF REFERENCE

from Professor Pauline (Atherton) Cochrane

Lam Vinh The graduated from this school just prior to the Americans departure from Vietnam. He returned to his country after successfully completing his Master's Degree and served his country as a professional librarian and as the first President of the Vietnamese Library Association. He also tried to translate several important library education texts into Vietnamese because he wanted to try to develop a truly professional library education in Vietnam. Due to international difficulties I lost track of him for the past six years, even though I made several attempts to do -- considering the effort well spent as I wanted to continue to work with him as a colleague, having enjoyed our association as teacher and student so much. He was, without doubt, one of the top ten or twenty students I have had in twenty-five years of teaching. He brought to his studies an earnestness and thoroughness which is unusual. He grasped American ways very quickly, understood the intricacies of LCSH better than most, and mastered AACR as well. He is quite personable, having been a teacher before receiving his library education. He was sponsored by someone at USAID whose opinion I respected highly. He never let us down. Even now, his letters from Montreal, where he is leaving with his brother, his Canadian sponsor, he shows the same motivation and interest in his chosen profession.

There is no doubt in my mind that Lam Vinh The could hold any professional library position for which he applied. With a little in-service training and reading he should be able to bring himself up to speed. I have every confidence of that.

Pauline Cochrane
Dec. 2, 1981